

ĐỀ XUẤT CĂN CỨ ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI CÓ SỬ DỤNG KẾT HỢP CÁC PHƯƠNG TIỆN GIAO TIẾP PHI NGÔN NGỮ TRONG DẠY HỌC NÓI VÀ NGHE Ở LỚP 10

Trịnh Thị Lan¹,
Triệu Bảo Ngọc^{2,+}

¹Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;
²Học viên Cao học K33 Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
+Tác giả liên hệ • Email: baongoctrieu.hnue@gmail.com

Article history

Received: 29/8/2025

Accepted: 22/9/2025

Published: 20/11/2025

Keywords

Basis for evaluation,
presentation on a social issue,
non-verbal means of
communication, teaching
speaking and listening, Grade
10 Literature

ABSTRACT

“Presenting on a social issue using a combination of verbal and non-verbal communicative means” is a newly-integrated and practical teaching point in the 2018 General Education Literature Program for Grade 10. This content requires students not only to demonstrate proficiency in speaking and listening skills but also to employ appropriate and effective non-verbal means of communication (body language such as facial expressions, gestures, postures as well as audiovisual aids such as pictures, sounds, diagrams and charts). The paper provides teachers with recommendations for organizing teaching classroom presentations on a social issue that incorporate non-verbal communication; accordingly identifying the basis for establishing evaluation criteria for such presentations. Several assessment tools, including rating scale, checklist, and rubric are proposed, both as research outcomes and illustrative examples of the overarching idea explored in the study. Identifying evaluation criteria enables teachers to deliver the instruction on presentations about social issues more effectively.

1. Mở đầu

Từ thời cổ đại, cả phương Đông và phương Tây đều rất coi trọng việc diễn thuyết trước người khác. Đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu về kỹ năng và nghệ thuật thuyết trình gắn với những bối cảnh, nghề nghiệp khác nhau. Ở Việt Nam, học giả Nguyễn Hiến Lê (2012) khẳng định tầm quan trọng của việc học nói năng, diễn thuyết và phải chú trọng chúng hơn trong những cấp học cao. Tác giả Dương Thị Liễu và cộng sự (2013) đã hệ thống lại một cách khoa học và chi tiết về kỹ năng thuyết trình trong giáo dục nghề nghiệp. Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) 2018 đã xác định Nói và nghe là một nội dung dạy học trong môn Ngữ văn, với các yêu cầu về kỹ năng vận dụng thực hành thiết thực và phong phú đã cho HS có cơ hội được trải nghiệm giao tiếp, giải quyết vấn đề một cách có ý nghĩa trước khi các em gia nhập thị trường lao động, cuộc sống xã hội. Dạy học thuyết trình về một vấn đề xã hội (VĐXH) ở lớp 10 là dạy học một kỹ năng nói và nghe quan trọng: kỹ năng thuyết trình. CTGDPT môn Ngữ văn 2018 xác định rõ các yêu cầu cần đạt về kỹ năng thuyết trình đối với HS từ tiểu học đến THPT với những biểu hiện và mức độ khác nhau như: trình bày, chia sẻ cảm nhận về một vấn đề, biết sử dụng những cử chỉ, điệu bộ thích hợp khi nói, thuyết minh về đối tượng hay quy trình...; trên cơ sở đó, các nhà trường triển khai hoạt động dạy học và đánh giá kỹ năng thuyết trình.

Trong bài báo này, chúng tôi lựa chọn một nội dung dạy học nói và nghe cụ thể của CTGDPT môn Ngữ văn lớp 10, được thể hiện thành bài học trong các sách giáo khoa là “Thuyết trình về một VĐXH có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ” (GTPNN), tập trung vào việc xác định các căn cứ, tiêu chí đánh giá, phục vụ cho việc xây dựng công cụ đánh giá kỹ năng thuyết trình của HS. Mục đích của nghiên cứu này là hỗ trợ GV tổ chức dạy học và đánh giá kỹ năng thuyết trình về một VĐXH của HS lớp 10 thuận tiện và hiệu quả. Để thực hiện nghiên cứu, chúng tôi đã sử dụng các phương pháp: *Phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết*: thu thập và khảo cứu các công trình học thuật, các tài liệu liên quan ở trong và ngoài nước để xây dựng nền tảng lý luận cho đề tài; *Phương pháp quan sát*: từ thực tiễn quan sát trong quá trình dạy học kết hợp với thăm lớp, dự giờ các lớp khối 10 ở trường phổ thông, chúng tôi xác định những yêu cầu đặt ra của thực tiễn dạy học để lựa chọn cách thức triển khai một bài thuyết trình hiệu quả nhất và đề xuất tiêu chí, công cụ đánh giá phù hợp; *Phương pháp chuyên gia*: lắng nghe và tổng hợp thông tin, ý kiến từ các chuyên gia ngôn ngữ và văn học để bổ sung những đề xuất, khuyến nghị phù hợp cho đề tài.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái quát về bài thuyết trình một vấn đề xã hội có sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ

2.1.1. Quan niệm “thuyết trình” và “thuyết trình về một vấn đề xã hội”

Đã từ rất lâu, người ta đã coi việc thuyết trình là một nghệ thuật diễn xướng ngôn từ, đồng thời xác định hiệu quả của diễn thuyết không chỉ dựa trên tiềm năng của lời nói mà còn nhờ vào tác dụng của việc kết hợp sử dụng các yếu tố phi ngôn từ (yếu tố trực quan). Tác giả Dương Thị Liễu và cộng sự (2013) khẳng định: “Thuyết trình là trình bày bằng lời trước nhiều người về một vấn đề nào đó nhằm cung cấp thông tin hoặc thuyết phục, gây ảnh hưởng đến người nghe”. Trên cơ sở tiếp thu có điều chỉnh, chúng tôi quan niệm thuyết trình là dùng lời nói kết hợp với các phương tiện hỗ trợ khác để trình bày về một vấn đề nào đó nhằm thực hiện một mục đích có ý nghĩa đối với người nghe.

“VĐXH” được hiểu là điều được mọi người trong cộng đồng quan tâm, phân tích, bàn luận. Theo đó, việc thuyết trình về một VĐXH phải dẫn đến một kết luận, thể hiện một quan điểm, nhận định, một phương hướng giải quyết cụ thể nên phương thức biểu đạt chính của bài thuyết trình thường sẽ là phương thức nghị luận. Chúng tôi quan niệm: thuyết trình về một VĐXH là trình bày bằng lời quan điểm của mình về một vấn đề trong xã hội (một tư tưởng, đạo lý, một hiện tượng đời sống... được mọi người quan tâm, bàn luận) nhằm cung cấp thông tin và thuyết phục người nghe. Việc thuyết trình về VĐXH trong CTGDPT môn Ngữ văn lớp 10 gắn với yêu cầu sử dụng kết hợp các phương tiện GTPNN. Bài thuyết trình về một VĐXH (một loại “ngôn bản”) phải mang đặc điểm của văn nghị luận, nghĩa là dựa vào các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng xác đáng để lập luận (giải thích, chứng minh, bình luận,...) một cách logic, chặt chẽ, mạch lạc nhằm làm sáng tỏ vấn đề và thuyết phục người nghe về quan điểm, ý kiến đã đưa ra.

2.1.2. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong hoạt động thuyết trình

Miller (1988, tr 4) định nghĩa ngắn gọn về GTPNN là giao tiếp mà không dùng đến từ ngữ. Theo ông, ngôn ngữ có những giới hạn của nó và các phương tiện GTPNN có thể bù đắp lại những giới hạn đó. Phương tiện GTPNN có thể trực quan hóa các nội dung trừu tượng, phản ánh chân thực và tinh tế hơn về bản thể người nói, ngoài ra việc sử dụng phương tiện GTPNN là cần thiết khi muốn gửi gắm các thông điệp phức tạp.

CTGDPT 2018 môn Ngữ văn quan niệm: “*Phương tiện GTPNN: những hình ảnh, số liệu, đồ thị, bảng biểu,... góp phần biểu nghĩa trong giao tiếp*” (Bộ GD-ĐT, 2018, tr 87). Gắn với việc dạy học thuyết trình ở THPT, chúng tôi chọn cách phân chia các phương tiện GTPNN theo phương thức tồn tại và tập trung mô tả hai loại: *ngôn ngữ cơ thể* và *các công cụ trực quan*. Ngôn ngữ cơ thể gồm có các trạng thái cử động tự nhiên của cơ thể người (nét mặt, hành vi, tư thế, ánh mắt,...); các công cụ trực quan do con người tạo lập chứa các tín hiệu phi ngôn ngữ (như hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ, tệp âm thanh,...) và được sử dụng cho mục đích cụ thể. Việc kết hợp sử dụng phương tiện GTPNN trong bài thuyết trình giúp tăng tính tương tác, sự hấp dẫn và tối ưu hóa thời gian cho việc thực hiện thuyết trình.

2.1.3. Cách thức thực hiện bài thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ

Bài thuyết trình có thể xây dựng theo trật tự thời gian với các giai đoạn trước, trong và sau khi thuyết trình (Trịnh Thị Lan, 2017; Phạm Thị Thu Hương và cộng sự, 2022), cụ thể như sau:

(1) *Chuẩn bị (trước khi thuyết trình)*. Trước hết cần xác định bối cảnh của bài thuyết trình (không gian, thời gian thuyết trình, đặc điểm người nghe...). Các yếu tố này sẽ góp phần quyết định đến việc lựa chọn nội dung và tổ chức các hoạt động thuyết trình. Mục đích thuyết trình được mặc định là làm sáng tỏ VĐXH và thuyết phục người nghe về quan điểm của người nói. Tiếp đến là giai đoạn xây dựng nội dung thuyết trình: *tìm ý và lập dàn ý*. Từ những hiểu biết của bản thân, kết hợp các thông tin, tài liệu liên quan đã tìm hiểu và thu thập được, tiến hành xác định các khía cạnh, phương diện của VĐXH mà người nói sẽ trình bày, làm sáng tỏ chúng bằng các lí lẽ, bằng chứng thích hợp được sắp xếp mạch lạc, logic. Cụ thể: - *Tìm ý*: có thể sử dụng hệ thống câu hỏi tìm ý như sau: *Ý kiến của em về VĐXH đó là gì? Vấn đề được nói đến có biểu hiện trong xã hội như thế nào? Em dự đoán có thể có quan điểm hoặc ý kiến nào khác về vấn đề này hay không và nếu có, em suy nghĩ như thế nào về quan điểm đó? Em cần đưa ra những lí lẽ, bằng chứng gì để làm sáng tỏ vấn đề và chứng minh quan điểm của mình là đúng đắn? Vấn đề có ý nghĩa như thế nào với cá nhân và cộng đồng? Em có thể đề xuất những giải pháp gì cho vấn đề?...;* - *Lập dàn ý*: lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục 3 phần: Mở bài: Dẫn dắt và giới thiệu khái quát về vấn đề cần bàn luận; Thân bài: Sắp xếp các luận điểm, triển khai lí lẽ, bằng chứng một cách mạch lạc, logic, xác đáng. Vận dụng hiệu quả các thao tác nghị luận: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận để làm sáng tỏ vấn đề, thuyết phục người khác đồng tình với quan điểm của mình về vấn đề; Kết bài: Khẳng định và kết luận lại vấn đề; - *Xây dựng kịch bản*: sau khi tạo lập nội dung, HS cần xây dựng kịch bản thuyết trình theo ba giai đoạn: *Mở đầu/giới thiệu - Trình bày nội dung chính - Kết thúc*. Với mỗi giai đoạn cần đề ra các mục tiêu/yêu cầu cụ thể, sau đó xác định lần lượt các hoạt động chính, ghi chú lại những phương tiện hỗ trợ và ước lượng, phân bổ thời gian hợp lí cho các hoạt động.

Các phương tiện GTPNN được sử dụng phải liên quan trực tiếp đến nội dung của bài thuyết trình. HS cần xác định rõ mục đích sử dụng các phương tiện này, lựa chọn số lượng và sắp xếp chúng hỗ trợ cho các hoạt động sao cho phù hợp với mục đích thuyết trình. Cần chú ý đến điều kiện cơ sở vật chất, phải chú thích và trích dẫn nguồn cho phương tiện GTPNN nếu có. Sau khi đã lên kịch bản, cần luyện tập trước để kiểm tra tính hợp lý của các hoạt động cũng như dự liệu về những tình huống bất ngờ có thể xảy ra. Việc này giúp hình thành nên một phong thái làm việc chuyên nghiệp, rèn luyện thêm bản lĩnh và sự tự tin cho người nói.

(2) *Tiến hành thuyết trình (trong khi thuyết trình)*. HS thực hành thuyết trình theo kịch bản đã xây dựng, kết hợp các phương tiện GTPNN đã chuẩn bị với các nội dung cụ thể của bài nói. Chú ý thuyết trình tự nhiên, linh hoạt, tạo ra sự tương tác tốt nhất với người nghe.

(3) *Đánh giá, phản hồi (sau khi thuyết trình)*. Sau khi kết thúc buổi thuyết trình, người nói tiếp nhận các ý kiến phản hồi từ người nghe và tiến hành tự đánh giá, rút kinh nghiệm. Khi đánh giá, cần chú ý đánh giá từ bước chuẩn bị cho đến khi kết thúc thuyết trình. Đây là một khâu quan trọng quyết định đến việc kỹ năng thuyết trình có thực sự được hình thành một cách đúng đắn và duy trì lâu dài hay không. Nếu thấy rõ được những điểm tốt đã đạt được, HS sẽ phát huy hiệu quả hơn nữa, còn những sai sót và nhược điểm sẽ đưa đến những kinh nghiệm và bài học quý báu, đó là nền tảng để người nói tiến bộ và hoàn chỉnh kỹ năng thuyết trình của mình.

2.2. Các căn cứ đánh giá bài thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ

Quá trình dạy học không thể hoàn thiện nếu không có đánh giá và muốn đánh giá được bài thuyết trình về một VĐXH có sử dụng kết hợp phương tiện GTPNN cần có các căn cứ cụ thể để từ đó xác định mức độ đạt được so với mục tiêu đặt ra ban đầu. Trên cơ sở tiếp thu các công trình nghiên cứu rất có ý nghĩa của Peeters và Stone (2010), Dương Thị Liễu và cộng sự (2013), Nguyễn Thị Thế Bình và cộng sự (2020), Kucuk (2023), Nguyễn Tiến Luận và Đoàn Văn Minh (2024), chúng tôi xác định 3 cơ sở để đánh giá một bài thuyết trình về một VĐXH có sử dụng kết hợp các phương tiện GTPNN, gồm:

2.2.1. Nội dung bài nói

Trước hết, người nói cần lựa chọn được VĐXH thích hợp, có ý nghĩa. Lựa chọn vấn đề phải cho thấy người nói có sự đầu tư phân tích bối cảnh, hiểu được những nhu cầu tìm kiếm thông tin của người nghe. Dân ý cần được chuẩn bị, đầu tư kỹ lưỡng, sắp xếp theo trình tự hợp lý, dễ theo dõi, phản ánh được tư duy về vấn đề của người nói. Khi thực hiện bài nói cần bám sát dân ý đã chuẩn bị. Toàn bộ nội dung nói cần hướng vào làm rõ chủ đề, không lạc đề, xa đề. Bố cục nội dung mạch lạc, logic, có sự liên kết chặt chẽ và nhất quán. Nội dung thể hiện được nhận thức, quan điểm, lập trường... của người nói về vấn đề, gửi gắm được những thông điệp có giá trị.

2.2.2. Kỹ thuật nói

Các ý tưởng nội dung chỉ có sức thuyết phục nếu được chuyển tải đến người nghe một cách rõ ràng, hiệu quả thông qua lớp vỏ âm thanh ngôn ngữ. Một số yếu tố quan trọng chi phối chất lượng kỹ thuật nói gồm: *Âm lượng*: là mức độ to nhỏ của âm thanh, tức giọng nói phát ra tác động đến cảm nhận của người nghe. Khi thuyết trình cần đảm bảo âm lượng vừa đủ để tất cả mọi người đều có thể nghe một cách rõ ràng, dễ chịu trong suốt hoạt động thuyết trình. Tùy không gian thuyết trình (độ rộng/hẹp, tiếng ồn/tạp âm, số lượng và đặc điểm của người nghe), tùy từng nội dung thuyết trình (có những nội dung cần nhấn mạnh, có những nội dung cần tạo cảm xúc sâu lắng, cũng có những nội dung cần cảm xúc tươi vui...), từng mục đích (muốn mở đầu ấn tượng, muốn khuấy động không khí,...) mà người nói cần linh hoạt điều chỉnh âm lượng cho thích hợp; *Phát âm*: là thể hiện từ ngữ thành tiếng (nói). Phát âm cần chú ý phải “tròn vành rõ chữ”, chuẩn xác và sáng rõ, người nghe phải nghe thấy và hiểu được. Khi thuyết trình nên dùng phát âm phổ thông, tránh các âm từ địa phương hoặc các âm từ khó mà bản thân người thuyết trình không thể hiện được. Phát âm không được méo tiếng hay nuốt chữ, dính chữ. Cần tránh các lỗi về phát âm như nói ngọng, nói lắp. Muốn phát âm đúng thì cần phải có quá trình liên tục luyện tập và điều chỉnh; *Diễn đạt trôi chảy, mạch lạc*: khi thuyết trình cần chú ý diễn đạt trôi chảy, không bị vấp, ngập ngừng, nói lắp từ hay sử dụng nhiều các từ đệm (ừ, ờ, à,...). Nội dung của bài thuyết trình cần được diễn đạt bằng lời một cách mạch lạc, tường minh, sáng rõ, dễ theo dõi. Nội dung và hình thức thể hiện bài thuyết trình cần ăn khớp với nhau. Bài nói phải liên kết chặt chẽ giữa các phần và chuyên ý tự nhiên, hiệu quả, có sự mở rộng phù hợp. Khi thuyết trình có thể có nói nghe tương tác đan xen nên người nói cần có khả năng nhanh nhạy trong điều phối, kiểm soát các tình huống để có thể đảm bảo sự ổn định, thông suốt của hoạt động thuyết trình; *Ngữ điệu*: là sự lên xuống, trầm bổng của giọng nói trong quá trình diễn đạt nội dung. Ngữ điệu cũng là sự nhấn nhá, phối hợp với điều tiết tốc độ của âm thanh để bộc lộ một ý nghĩa tình thái nào đó. Ngữ điệu không cố định mà luôn biến đổi linh hoạt tùy từng nội dung thuyết trình và các mục đích khác nhau của người nói; *Tốc độ nói*: việc nói nhanh hay chậm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả thuyết trình. Thực tế không thể chỉ giữ nguyên một tốc độ nói khi thuyết trình. Việc thay đổi tốc độ khi nói phải phù hợp nhịp độ tư duy và suy

nghe của người nghe tùy từng thời điểm. Những nội dung có tính lý thuyết, trừu tượng thường phải nói với tốc độ chậm hơn để người nghe có thời gian hiểu và suy ngẫm, hoặc nói chậm ở kết luận để người nghe ghi nhớ tốt hơn. Với những nội dung đơn giản, ít quan trọng có thể đẩy nhanh tốc độ nói. Người nói cần tập trung vào khán thính giả của mình để nắm bắt được diễn biến nhận thức của họ rồi điều chỉnh tốc độ cho phù hợp; *Tương tác*: người nói cần có sự tương tác hiệu quả, tích cực đối với người nghe trong quá trình thuyết trình, thông qua ngôn ngữ cơ thể hoặc các công cụ trực quan. Người nói phải lôi cuốn, thu hút được người nghe vào bài thuyết trình của mình thông qua những tương tác ấy, tạo nên sự liên kết hai chiều trong khi thuyết trình. Người nói cũng cần có sự lắng nghe và phản hồi thỏa đáng với những câu hỏi, khúc mắc, góp ý của người nghe trên tinh thần cầu thị, cởi mở, tôn trọng ở phần phản hồi, đánh giá.

2.2.3. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng

* *Ngôn ngữ cơ thể*. Việc sử dụng tốt ngôn ngữ cơ thể giúp người nói tạo một tác động hấp dẫn mang tính chủ quan đến người nghe, khiến bài thuyết trình tự nhiên, lôi cuốn và cũng giúp cho người thuyết trình trở nên thoải mái, tự tin hơn. Các ngôn ngữ cơ thể bao gồm: *Ánh mắt*: ánh mắt để quan sát thấy và luôn có thể diễn đạt nhiều điều thành thật. Khi thuyết trình cần giữ một ánh mắt trong sáng, trù mên, ánh lên niềm vui để người nghe cảm nhận được nhiệt huyết của người nói. Ánh mắt cũng có thể khóc khi nói đến một nội dung khơi lên nỗi niềm cảm thương. Ánh mắt né tránh, quay đảo liên tục cho thấy sự bất an, ngượng ngùng, lúng túng có thể khiến người nghe thấy hoài nghi, chán nản; *Nét mặt*: gương mặt luôn nhận nhiều sự chú ý nhất trong suốt quá trình thuyết trình. Gương mặt nhìn chung cần thoải mái, tự tin, tươi tắn và cũng cần linh hoạt thay đổi biểu cảm phong phú, sinh động sao cho phù hợp từng giai đoạn thuyết trình, bởi lẽ cảm xúc cũng có tiếng nói của riêng mình. Người nói cần tránh để gương mặt kém sức sống, lạnh lùng xa cách hoặc cau có, ủ ê sẽ làm ảnh hưởng đến bầu không khí chung. Trong các nghiên cứu về biểu đạt gương mặt, nụ cười thiện chí luôn được đề xuất và đánh giá cao trong giao tiếp đặc biệt khi thuyết trình; *Chuyển động đầu và các chi*: những cử động tự nhiên, linh hoạt, tinh tế của cơ thể khi thuyết trình góp phần làm nên phong thái đỉnh đặc, tự tin, thể hiện sự cởi mở, sẵn sàng kết nối với mọi người. Thân và đầu cần thẳng, ngay ngắn, hướng về người nghe, đầu có thể gật nhẹ khi mang hàm ý đồng tình hoặc nhấn mạnh, cũng có thể lắc nhẹ để biểu thị ý phủ định; Bàn tay cần có các cử động hợp lý: có thể sử dụng tay để chỉ thị, xác định số đếm, mô tả, biểu đạt cảm xúc... Các cử động tay không nên quá rườm rà, cũng không nhất thiết giữ tay luôn cố định, cứng nhắc. Khi đứng, hai chân thẳng, vững, khoảng cách giữa hai chân vừa phải, đứng ở những vị trí tất cả mọi người có thể nhìn thấy rõ ràng và khi trình bày cần di chuyển hợp lý để tương tác hiệu quả.

* *Các công cụ trực quan*. Cần lựa chọn sử dụng đa dạng, phong phú, hợp lý các công cụ trực quan (tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu...). Các công cụ được sử dụng cần được kiểm soát và phân bổ sử dụng hợp lý để không làm loãng bài thuyết trình mà vẫn tăng được tính tương tác sinh động; đảm bảo về chất lượng khi sử dụng, có sự phối hợp tốt với các mô tả bằng lời và có tính thẩm mỹ cao.

2.3. Đề xuất một số công cụ đánh giá bài thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ

Để hỗ trợ GV trong quá trình đánh giá sử dụng trong quá trình dạy học thuyết trình về một VDXH có sử dụng kết hợp các phương tiện GTPNN, chúng tôi đề xuất thiết kế một số công cụ đánh giá: bảng kiểm, thang đo, rubric. Những tiêu chí được xác lập dựa trên các căn cứ đánh giá mà chúng tôi đã đưa ra kết hợp với những yêu cầu của thực tiễn dạy học. Các công cụ này có thể sử dụng để đánh giá quá trình thuyết trình hoặc phục vụ cho giai đoạn phản hồi và sửa đổi, rút kinh nghiệm.

Bảng 1. Bảng kiểm đánh giá bài thuyết trình về một VDXH có sử dụng kết hợp phương tiện GTPNN

	Tiêu chí đánh giá	Có	Không
I. Nội dung	1. Lựa chọn được VDXH phù hợp, có ý nghĩa, thu hút được sự quan tâm của người nghe.	☐	☐
	2. Bố cục đủ ba phần: mở đầu - triển khai - kết luận.	☐	☐
	3. Trình bày được tối thiểu hai luận điểm chính; các ý được sắp xếp rõ ràng, logic.	☐	☐
	4. Luận điểm sáng rõ, lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, liên kết chặt chẽ và hướng đến làm rõ vấn đề nghị luận.	☐	☐
	5. Lí lẽ, bằng chứng cụ thể, phong phú, hấp dẫn.	☐	☐
	6. Nội dung thể hiện được quan điểm, lập trường của người nói.	☐	☐
	7. Truyền tải được ít nhất một thông điệp giá trị.	☐	☐
II. Trình bày	8. Về ngoài lịch sự, phong thái tự tin, đỉnh đặc.	☐	☐
	9. Ngữ điệu nói phù hợp, phát âm chuẩn, lưu loát, trôi chảy.	☐	☐
	10. Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, đảm bảo thống nhất giữa nội dung và hình thức bài thuyết trình.	☐	☐
	11. Sử dụng tốt ngôn ngữ cơ thể để gia tăng sức biểu đạt cho bài thuyết trình.	☐	☐

	12. Có sự giới thiệu, mô tả, nêu rõ giá trị, ý nghĩa đóng góp của các công cụ trực quan được sử dụng.	☐	☐
	13. Các phương tiện GTPNN tạo hiệu ứng tích cực cho bài thuyết trình.	☐	☐
	14. Giao lưu, tương tác tích cực với người nghe khi thuyết trình.	☐	☐
	15. Trả lời thỏa đáng những thắc mắc của người nghe.	☐	☐
	16. Đối thoại với người nghe cởi mở, tôn trọng.	☐	☐

(Mức độ 0: Không thực hiện; Mức độ 1: Thực hiện chưa tốt; Mức độ 2: Thực hiện tương đối tốt; Mức độ 3: Thực hiện tốt; Mức độ 4: Thực hiện rất tốt)

Bảng 2. Thang đo đánh giá bài thuyết trình về một VDXH có sử dụng kết hợp phương tiện GTPNN

	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá				
		0	1	2	3	4
I. Chuẩn bị	1. Tìm hiểu kỹ bối cảnh thuyết trình và vấn đề thuyết trình.					
	2. Xác định được các mục tiêu thuyết trình cụ thể.					
	3. Lập dàn ý chi tiết và lên kịch bản cho bài thuyết trình.					
	4. Tập trình bày thử để làm chủ nội dung thuyết trình.					
II. Tiến hành thuyết trình						
A. Mở đầu	5. Chào khán giả và tự giới thiệu ngắn gọn về bản thân (nếu cần thiết).					
	6. Giới thiệu vấn đề một cách ấn tượng.					
	7. Khái quát nội dung thuyết trình.					
B. Nội dung chính	8. Bám sát dàn ý chuẩn bị để lần lượt trình bày các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng một cách thuyết phục, mạch lạc, sáng rõ.					
	9. Thể hiện được quan điểm, lập trường của người nói về vấn đề.					
	10. Giọng nói đủ to, rõ ràng để tất cả người nghe đều có thể tiếp nhận được thông tin.					
	11. Diễn đạt trôi chảy, sử dụng ngôn ngữ linh hoạt để chuyển tiếp giữa các ý.					
	12. Sử dụng ngôn ngữ cơ thể (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt...) phù hợp và thể hiện được tâm huyết với bài thuyết trình.					
	13. Sử dụng kết hợp các công cụ trực quan một cách hợp lí, hiệu quả.					
	14. Tương tác tích cực với người nghe trong khi thuyết trình.					
C. Kết thúc	15. Đối thoại với người nghe về bài thuyết trình trên cơ sở tôn trọng, cởi mở.					
	16. Kết luận vấn đề và cảm ơn người nghe.					

Bảng 3. Rubric tự đánh giá bài thuyết trình về VDXH có sử dụng kết hợp phương tiện GTPNN

Mức độ	Giỏi (9-10)	Khá (7-8)	Trung bình (5-6)	Cần cố gắng (0-4)
Tiêu chí				
Mở đầu	Tôi giới thiệu được vấn đề, nêu được mục đích của bài thuyết trình và lôi cuốn người nghe một cách đầy ấn tượng.	Tôi giới thiệu được vấn đề của bài thuyết trình và thu hút người nghe.	Tôi giới thiệu được vấn đề của bài thuyết trình nhưng không thu hút được khán giả.	Tôi không có phần giới thiệu, hoặc phần giới thiệu của tôi không cho biết vấn đề, mục đích thuyết trình, cũng không cuốn hút khán giả.
Lập luận	Tôi sắp xếp các ý của mình một cách logic, mạch lạc, có các bằng chứng rất sinh động, đáng tin cậy. Bên cạnh đó, tôi sử dụng nhiều thao tác lập luận khác nhau một cách thành thực làm cho bài thuyết trình của tôi có tính thuyết phục.	Tôi sắp xếp các ý của mình một cách logic, mạch lạc, có một vài bằng chứng minh họa. Bên cạnh đó, tôi sử dụng được các thao tác lập luận một cách tương đối tốt khiến cho bài thuyết trình của tôi khá thuyết phục.	Tôi rất khó khăn khi sắp xếp các ý của mình một cách logic, mạch lạc. Các bằng chứng tôi đưa ra không thuyết phục. Tôi cố gắng để phối hợp các thao tác lập luận khác nhau nhưng không đạt được hiệu quả.	Tôi không sắp xếp các ý của mình một cách logic, mạch lạc, không sử dụng bằng chứng và không đạt được sự thuyết phục.
Phong thái trình bày	Tôi nói rõ ràng, đĩnh đạc và tự tin với ngữ điệu phù hợp, linh hoạt. Tôi dẫn dắt bài thuyết trình của mình một cách lôi cuốn và thuyết phục. Tôi có sự tương tác và kết nối tích cực với người nghe khi thuyết trình.	Tôi nói tương đối rõ ràng, tự nhiên với ngữ điệu phù hợp. Tôi dẫn dắt bài thuyết trình của mình một cách khá hấp dẫn. Tôi có sự tương tác và kết nối với người nghe khi thuyết trình.	Tôi nói tương đối rõ ràng nhưng còn thiếu tự nhiên. Tôi thực hiện thuyết trình theo các bước cơ bản. Thỉnh thoảng tôi có sự tương tác với người nghe khi thuyết trình.	Tôi nói không rõ ràng khiến người nghe khó theo dõi. Cách thuyết trình của tôi khô khan và máy móc. Tôi hầu như không có sự tương tác với người nghe trong quá trình thuyết trình.

Sử dụng phương tiện ngôn ngữ	Tôi phát âm chuẩn, nói trôi chảy, lưu loát, mạch lạc và thuyết phục. Tôi sử dụng vốn từ vựng phong phú và nhiều biện pháp tu từ để tăng sức biểu đạt và thuyết phục người nghe một cách hiệu quả.	Tôi phát âm chuẩn, nói khá trôi chảy, lưu loát, mạch lạc và thuyết phục. Tôi sử dụng hiệu quả vốn từ vựng, đôi khi kết hợp các biện pháp tu từ để tăng sức biểu đạt và thuyết phục người nghe.	Tôi còn mắc lỗi phát âm và nói vấp hay ngập ngừng. Tôi sử dụng từ vựng cơ bản và cố gắng kết hợp sử dụng các biện pháp tu từ để tăng sức biểu đạt nhưng không hiệu quả.	Tôi mắc nhiều lỗi khi phát âm, nói không trôi chảy, lưu loát. Tôi thường bí từ và đôi khi dùng từ không chuẩn xác khiến người nghe cảm thấy khó hiểu.
Sử dụng phương tiện GTPNN	Tôi sử dụng sinh động, tự nhiên ngôn ngữ cơ thể và kết hợp được đa dạng các công cụ trực quan để hỗ trợ, tăng tính tương tác và sự lôi cuốn cho bài thuyết trình của mình.	Tôi sử dụng có hiệu quả ngôn ngữ cơ thể và kết hợp được một vài công cụ trực quan để hỗ trợ, tăng tính tương tác cho bài thuyết trình của mình.	Tôi có sử dụng ngôn ngữ cơ thể và một vài công cụ trực quan trong bài thuyết trình của mình nhưng không phải lúc nào chúng cũng hiệu quả.	Tôi không sử dụng các phương tiện GTPNN trong bài thuyết trình của mình.
Kết luận	Tôi tóm tắt các điểm chính của bài thuyết trình một cách hấp dẫn và nhấn mạnh các thông điệp; gợi mở cho khán giả suy nghĩ về những vấn đề khác liên quan.	Tôi tóm tắt các điểm chính và nhấn mạnh hành động mà tôi muốn khán giả thực hiện.	Tôi tóm tắt một vài điểm chính.	Bài thuyết trình của tôi không có kết luận.

3. Kết luận

Việc dạy học thuyết trình về một VDXH vẫn cần dựa vào điểm tựa lí thuyết quan trọng là quan điểm giao tiếp và đặc trưng của kĩ năng nói, khi đặt trong yêu cầu kết hợp sử dụng các phương tiện GTPNN, cần được bổ sung thêm các căn cứ về đặc điểm và cách thức sử dụng phương tiện đó. Chúng tôi đã bám sát tiến trình dạy học thuyết trình về một VDXH có sử dụng kết hợp các phương tiện GTPNN với các giai đoạn: trước khi thuyết trình, trong khi thuyết trình và sau khi thuyết trình để đề xuất một số các căn cứ đánh giá hoạt động thuyết trình của HS là *nội dung bài nói, kĩ thuật nói và các phương tiện GTPNN được sử dụng*. Từ những căn cứ đó mà xây dựng tiêu chí đánh giá trong các công cụ đánh giá, điều này sẽ giúp cho việc dạy học thuyết trình về một VDXH có sử dụng kết hợp các phương tiện GTPNN sẽ trở nên có điểm tựa, sáng rõ, dễ thực hiện hơn. Việc dạy học nói và nghe trong lớp học vừa đơn giản, lại hiệu quả, giúp GV giảm bớt áp lực. Ba công cụ đánh giá chúng tôi thiết kế là bảng kiểm, thang đo và rubric nhìn chung là thân thiện, dễ sử dụng đối với GV. Kết quả nghiên cứu ở bài báo này có thể hỗ trợ GV một cách hiệu quả trong dạy học thuyết trình về một VDXH có sử dụng kết hợp các phương tiện GTPNN ở lớp 10.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Dương Thị Liễu (chủ biên, 2013). *Kĩ năng thuyết trình*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Kucuk, T. (2023). The Power of Body Language in Education: A Study of Teachers' Perceptions. *International Journal of Social Sciences & Educational Studies*, 10(3), 275-289.
- Miller, P. W. (1988). *Nonverbal Communication, Third Edition, what research says to the Teacher*. National Education Association. <https://files.eric.ed.gov/fulltext/ED293190.pdf>
- Nguyễn Hiến Lê (2012). *Nghệ thuật nói trước công chúng*. NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Tiến Luận, Đoàn Văn Minh (đồng chủ biên, 2024). *Giáo trình kĩ năng định hướng và phát triển bản thân*. NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- Nguyễn Thị Thế Bình, Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Mai Lan, Kiều Phương Thùy (2020). *Rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ sư phạm trong đào tạo giáo viên*. NXB Đại học Sư phạm.
- Peeters, M. J., & Stone, G. E. (2010). A standardized rubric to evaluate student presentations. *American Journal of Pharmaceutical Education*, 74(9), Article 171. <https://doi.org/10.5688/aj7409171>
- Phạm Thị Thu Hương (chủ biên), Đoàn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thế Hưng, Trịnh Thị Lan, Lê Thị Minh Nguyệt, Trần Hoài Phương, Phan Thị Hồng Xuân (2022). *Giáo trình Xây dựng kế hoạch dạy học môn Ngữ văn*. NXB Đại học Sư phạm.
- Trịnh Thị Lan (2017). Rèn kĩ năng nói cho học sinh trong môn Ngữ văn ở trường phổ thông. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 144, 50-53.